

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: /2025/HĐXD

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

Gói thầu: Thi công sửa chữa công trình

Dự án:.....

GIỮA

Tên chủ đầu tư: KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III

VỚI

Tên nhà thầu: CÔNG TY ...

--Năm 2025--

MỤC LỤC

Phần 1	THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU
Phần 2	CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
Phần 3	ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG
Điều 1	Giải thích từ ngữ
Điều 2	Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
Điều 3	Luật và ngôn ngữ sử dụng
Điều 4	Thông báo
Điều 5	Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng
Điều 6	Nội dung và khối lượng công việc
Điều 7	Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm Hợp đồng thi công xây dựng
Điều 8	Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng
Điều 9	Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán
Điều 10	Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng
Điều 11	Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư
Điều 12	Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu
Điều 13	Quyền và nghĩa vụ của Quản lý dự án
Điều 14	Quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát
Điều 15	Nhà thầu phụ
Điều 16	An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ
Điều 17	Điện, nước và an ninh công trường
Điều 18	Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng
Điều 19	Bảo hiểm và bảo hành
Điều 20	Rủi ro và bất khả kháng
Điều 21	Xử lý vi phạm hợp đồng
Điều 22	Khiếu nại và xử lý các tranh chấp
Điều 23	Quyết toán và thanh lý Hợp đồng
Điều 24	Hiệu lực của Hợp đồng
Điều 25	Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 175/2024/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng
VNĐ	Đảng Việt Nam
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

PHẦN 1 -THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại Khu Quản lý đường bộ III, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch : Khu Quản lý đường bộ III.

Người đại diện : Ông - Chức vụ:

Địa chỉ : Số 16, đường Lý Tự Trọng, thành phố Đà Nẵng.

Tài khoản số : 9527.1.1119349 Tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII

Mã số thuế : 0400261327;

Điện thoại : 0236. 3821 854 - Fax: 0236. 3822 064

2. Nhà thầu: Công ty ...

Người đại diện : Ông ... - Chức vụ;;

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Tài khoản: ...

Mã số thuế: ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện của gói thầu Thi công sửa chữa công trình thuộc dự án:như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2013; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế GTGT, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/04/2024 của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ Quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc;

Căn cứ Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BXD ngày 04/8/2025 của Bộ kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản số 1584/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 02/4/2015 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam quy định đưa vào hợp đồng thi công nội dung về bảo đảm kích thước thùng hàng và tải trọng xe khi lưu thông trên đường bộ;

Căn cứ văn bản số 3168/CĐBVN-QLBTKCHTGT ngày 22/5/2023 của Cục ĐBVN về việc tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng thực hiện và công khai minh bạch đối với công tác bảo hành trong các dự án sửa chữa, bảo trì đường quốc lộ;

Căn cứ các Quyết định liên quan...;

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG VÀ CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1.** Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.
- 1.2.** Bảng tiên lượng là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.
- 1.3.** Bản vẽ thiết kế là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu hoặc do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận.
- 1.4.** Biên bản nghiệm thu là biên bản được phát hành theo Điều 7 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng].
- 1.5.** Chỉ dẫn kỹ thuật là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.
- 1.6.** Chủ đầu tư là Khu Quản lý đường bộ III.
- 1.7.** Công trình là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này.
- 1.8.** Công trình chính là.....
- 1.9.** Công trình tạm là các công trình phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.
- 1.10.** Công trường là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong hợp đồng.
- 1.11.** Dự án là.....
- 1.12.** Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 5 - Ban quản lý dự án chuyên ngành được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ, uỷ quyền trong quản lý dự án;
- 1.13.** Đại diện Nhà thầu là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu uỷ quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.
- 1.14.** Đại diện nhà tư vấn là người được nhà tư vấn uỷ quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà tư vấn giao.
- 1.15.** Hạng mục công trình là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.
- 1.16.** Hồ sơ dự thầu (hoặc Hồ sơ đề xuất) của Nhà thầu là toàn bộ tài liệu do Nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) và được nộp cho bên mời thầu theo quy định.
- 1.17.** Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư.
- 1.18.** Hợp đồng là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu kèm theo theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
- 1.19.** Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam.

1.20. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.21. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.22. Nhà thầu là Công ty

1.23. Nhà thầu phụ là Nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công việc của Nhà thầu.

1.24. Nhà tư vấn là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng (Nhà tư vấn có thể là tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).

1.25. Rủi ro và bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.26. Thay đổi là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công, các nội dung khác của hợp đồng có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

1.27. Thiết bị của Nhà thầu là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.28. Tư vấn thiết kế là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

1.29. Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình (không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình).

1.30. Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng (bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình).

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

a) Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (Thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu,...);

b) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;

- c) Biên bản thương thảo (nếu có);
- d) Biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
- đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- e) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu;
- g) HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT (nếu có);
- h) Bảo lãnh tiền tạm ứng;
- i) Bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- k) Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng quy định tại khoản

2.3 Điều này.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Thông báo

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.

4.2. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm ký thông báo.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư một bảo đảm thực hiện hợp đồng vào trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Khoản 24.2 Điều 24 [Hiệu lực của hợp đồng] của hợp đồng này và các quy định sau:

- Hình thức bảo đảm bằng Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, loại bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu);

- Thư bảo lãnh phải sử dụng Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận; nếu các điều khoản của thư bảo lãnh nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

- Số tiền bảo lãnh là:**VNĐ** (tương đương 6% giá hợp đồng);
(Bằng chữ:).

- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày công trình được Chủ đầu tư ký nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư hoàn trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định;

- Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực hoặc vi phạm hợp đồng đến mức phải chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư theo quy định tại hợp đồng này.

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng.

Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho Chủ đầu tư.

Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên.

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.1. Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt), chỉ dẫn kỹ thuật được Chủ đầu tư chấp thuận và biên bản hoàn thiện hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

6.2. Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

- b) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;
- c) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt (kể cả phần hạng mục, khối lượng sửa đổi, bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;
- d) Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;
- đ) Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà thầu chính;
- e) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);
- g) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- h) Thực hiện nghiệm thu công việc chuyên bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;
- i) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- k) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- l) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- m) Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);
- n) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;
- o) Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.3. Phạm vi công việc thực hiện đối với hợp đồng thi công xây dựng: Là việc cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công và thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

7.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như sau:

- a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế được phê duyệt (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi

công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm (hoặc Trạm thí nghiệm hiện trường kèm quyết định thành lập theo quy định) đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động chuyên ngành xây dựng¹, đủ danh mục phép thử tương ứng.

c) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng; đáp ứng các yêu cầu về chỉ dẫn chất lượng sản phẩm, thi công.

d) Trường hợp gói thầu có công tác sản xuất hỗn hợp bê tông nhựa (BTN), bê tông xi măng (BTXM) thương phẩm:

- Trong trường hợp thay đổi Trạm trộn BTN, BTXM so với hồ sơ trúng thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trên cơ sở đảm bảo các điều kiện²: Các trạm trộn BTN, BTXM của chính Nhà thầu sản xuất hoặc do Nhà thầu đi thuê hoặc thuê Nhà thầu phụ cung cấp BTN, BTXM cho Nhà thầu thi công: (i) Được cơ quan chức năng cấp phép hoạt động; (ii) Đạt chất lượng kiểm định và còn trong thời gian hoạt động theo quy định; (iii) Đáp ứng được kế hoạch hoạt động bảo vệ môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt³; (iv) Bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy và được cấp có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu theo quy định⁴.

- Để bảo đảm chất lượng công trình, yêu cầu trong quá trình sản xuất BTN, BTXM thương phẩm, Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm bảo đảm kết nối, gửi thông tin quá trình vận hành, sản xuất và thí nghiệm kiểm tra chất lượng hỗn hợp BTN, BTXM tại trạm trộn (từ khâu kiểm tra vật liệu trong quá trình sản xuất BTN, BTXM; công tác kiểm tra các khâu công nghệ tại trạm trộn; công tác cung cấp, sàng lọc định lượng bột khoáng, phụ gia và nhựa nóng (đối với BTN) hoặc phụ gia, xi măng (đối với BTXM) theo quy định; nhiệt độ hỗn hợp khi ra khỏi thùng trộn (BTN) hoặc độ sụt (BTXM)... qua hình thức camera được kết nối wifi, sóng 3G, 4G... hoặc hình ảnh, video...(đối với nơi sản xuất không có sóng wifi, 3G, 4G...) để truyền dữ liệu trực tiếp các bên liên quan (Quản lý dự án, Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư) khi Chủ đầu tư yêu cầu để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chất lượng.

- Nghiêm cấm hành vi tập kết vật liệu không đạt chất lượng nằm lẫn lộn tại bãi tập kết, nhà kho chứa vật liệu sản xuất bê tông nhựa, cấp phối đá dăm tại khu vực Trạm trộn phục vụ thi công gói thầu Thi công xây dựng thuộc Dự án trên. Vật liệu không đạt

¹ Quy định tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ

² Hồ sơ trúng thầu Trạm trộn BTN, BTXM đã được Tổ chuyên gia kiểm tra tại Hồ sơ dự thầu và đã được chấp thuận trúng thầu – chỉ áp dụng khi bổ sung trạm trộn, thay đổi trạm trộn.

³ Theo quy định tại khoản 1 Mục 12 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

⁴ Theo quy định tại Mục 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.

yêu cầu phải đưa ra khỏi khu vực Trạm trộn.

- Ngoài phải tuân thủ theo quy trình thi công và nghiệm thu BTN, cụ thể như sau:

+ Đối với công tác sản xuất hỗn hợp, thi công, giám sát, kiểm tra và nghiệm thu lớp Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường phải tuân thủ các Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của TCVN 13567-1 : 2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu- Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường.

+ Đối với công tác sản xuất hỗn, thi công, giám sát, kiểm tra và nghiệm thu lớp Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường Polyme phải tuân thủ Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của TCVN 13567-2 : 2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu- Phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường Polyme.

Ngoài ra, đối với hỗn hợp BTN có sử dụng phụ gia sử dụng phương pháp trộn khô phụ gia với hỗn hợp cốt liệu (tăng dính bám giữa cốt liệu đá và nhựa đường, kháng hàn lún vệt bánh xe) thì phải xác định cụ thể thời gian trộn khô (thông qua các chỉ tiêu thí nghiệm để đánh giá đạt yêu cầu, sau khi xả hỗn hợp cốt liệu khỏi trạm) đảm bảo phụ gia được trộn đều với hỗn hợp cốt liệu (kinh nghiệm cho thấy thời gian trộn khô hỗn hợp từ (15 – 20) giây); (ii) Thời gian thực hiện mẻ trộn kinh nghiệm cho thấy trong khoảng từ (55 – 60) giây; (v) Lấy mẫu trực tiếp từ bồn của xe (không dùng mẫu trong lon kèm theo xe), nếu đạt yêu cầu mới chấp thuận cấp vào bồn chứa của trạm trộn để thí nghiệm, kiểm soát chất lượng nhựa đường; (vi) Trước khi tham BTN hằng ngày, yêu cầu phải báo chủ đầu tư trước 02 (hai) ngày.

Riêng đối với công tác tham vật liệu BTN Polymer: Phải yêu cầu tối thiểu phải có tối thiểu 02 lu bánh lốp có tổng trọng lượng $\geq 25T$, bồn chứa phải có hệ thống gia nhiệt và hệ thống cánh khuấy hoạt động, mỗi bồn chứa chỉ được chứa một loại nhựa đường polymer từ cùng một nguồn cung ứng.

Tất cả các thông số về thời gian thực hiện mẻ trộn, nhiệt độ hỗn hợp đều phải được thi công thí điểm và được xác định thông qua thí nghiệm, Tư vấn giám sát kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư chấp thuận trước khi thi công đại trà.

e) Nhằm cung cấp cho Chủ đầu tư một sản phẩm (vật liệu xây dựng, công trình xây dựng...) thoả mãn các yêu cầu đặt ra mà đầu tiên phải là chất lượng được quy định tại điểm a, b và c của khoản này, Chủ đầu tư sẽ tổ chức thí nghiệm kiểm chứng độc lập để làm căn cứ, cơ sở đánh giá chất lượng, phục vụ cho công tác nghiệm thu công trình và trước khi xác nhận hết bảo hành của Chủ đầu tư (đơn vị thí nghiệm kiểm chứng do Chủ đầu tư chỉ định). Chi phí thực hiện thí nghiệm kiểm chứng trên sẽ do Nhà thầu thi công có trách nhiệm chi trả bất kể là chỉ tiêu thí nghiệm sau khi kiểm chứng đạt hay không đạt yêu cầu.

7.2. Kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư:

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình thi công xây dựng trên công trường, Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu mà nhà thầu sử dụng cho công trình; kiểm tra, giám sát bảo đảm chất lượng các nội dung tại Khoản 7.1.

Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành và bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện thuận lợi và bảo đảm cho việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động này cho người của Chủ đầu tư, Quản lý dự án và Tư vấn giám sát (Bao gồm các công việc ra/vào trạm trộn, truyền dữ liệu, hình ảnh; cung cấp phương tiện cho việc đi lại ở khu vực trên công trường, thiết bị an toàn; cung cấp các giấy phép/văn bản được cấp...ở khu vực Trạm trộn, trên công trường). Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà thầu.

c) Việc ngăn cản hoặc không thực hiện theo yêu cầu được quy định tại Khoản 7.1 và điểm a, b của Khoản này nhằm bảo đảm chất lượng công trình, bảo đảm môi trường, Chủ đầu tư sẽ xem xét xử lý theo quy định Điều 18 và Điều 21 của Hợp đồng.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của hợp đồng đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định tại Khoản 7.1 Điều này.

b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế được duyệt (kể cả phần sửa đổi được cơ quan có thẩm quyền hoặc Chủ đầu tư chấp thuận); chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

c) Đối với những công việc theo yêu cầu phải được nghiệm thu trước khi chuyển qua các công việc khác, Nhà thầu phải thông báo trước để nghiệm thu theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

d) Đối với các sản phẩm sai sót (chưa bảo đảm yêu cầu của hợp đồng) thì phải được sửa chữa, trường hợp không sửa chữa được thì phải loại bỏ. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến sửa chữa, kiểm định lại và các chi phí khác liên quan đến việc khắc phục sai sót, cũng như tiến độ thực hiện hợp đồng.

đ) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm: Đại diện Chủ đầu

tư, Nhà thầu thi công, Đơn vị quản lý điều hành dự án, Nhà thầu giám sát thi công xây dựng, Nhà thầu tư vấn thiết kế (khi Chủ đầu tư yêu cầu) và các thành phần khác (nếu có).

e) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm: Hồ sơ hoàn công công trình theo quy định; Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý thi công xây dựng công trình liên quan đến quản lý, kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư.

7.4. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

7.5. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có quyền tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (chi phí sửa chữa lập theo thực tế ở thời điểm thực hiện và Nhà thầu không có quyền kiến nghị về chi phí sửa chữa), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

7.6. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

8.2. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng xây dựng đã ký hoặc hợp đồng chấm dứt theo quy định Điều 18 của Hợp đồng.

8.3. Thời gian thực hiện gói thầu:

Thời gian thực hiện gói thầu là: ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, đưa vào khai thác sử dụng (không bao gồm thời gian Nhà thầu tiến hành các thủ tục để bàn giao mặt bằng; thời gian tạm dừng do nghỉ lễ theo quy định của nhà nước; tạm dừng thực hiện công việc do yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do nguyên nhân thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc do nguyên nhân rủi ro, bất khả kháng như thiên tai (mưa, bão, lụt...), dịch bệnh, dịch hoạ.

8.4. Tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Chủ đầu tư sẽ thông báo và tổ chức bàn giao mặt bằng trong vòng 03 (ba) ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao mặt bằng theo thông báo của Chủ đầu tư và khởi công công trình trong thời gian không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu. Nếu Nhà thầu vi phạm thì Chủ đầu tư sẽ xem xét xử lý vi phạm hợp đồng theo quy định tại điểm c khoản 18.2 Điều 18 Hợp đồng. Trường hợp chưa đủ điều kiện để tổ chức bàn giao mặt bằng trong khoảng thời gian quy định nêu trên, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản; trong trường hợp này, thời gian tổ chức bàn giao mặt bằng sẽ được Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu tối thiểu 03 (ba) ngày để chuẩn bị; Nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao mặt bằng và khởi công công trình theo quy định.

- Ít nhất là 02 (hai) ngày trước ngày khởi công, **nếu có thay đổi** về điều kiện và biểu đồ tiến độ thi công so với nội dung đã nêu trong E-HSDT đã được Bên mời thầu và Chủ đầu tư chấp thuận, nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư và các bên có liên quan (Điều hành dự án, Tư vấn giám sát,...) **hồ sơ Biện pháp tổ chức thi công⁵** và bảng tiến độ thi công chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của nhà thầu để các bên xem xét chấp thuận trước khi triển khai thực hiện. Hồ sơ Biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công bao gồm:

⁵ Biện pháp thi công tại Hồ sơ Trúng thầu (hồ sơ dự thầu) và là một phần của Hợp đồng nên không lập lại trừ khi có sự thay đổi.

a) Trình tự thực hiện công việc của nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ nhà thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của hợp đồng;

- Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Nếu bảng tiến độ thi công không phù hợp với hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu trong vòng 01 ngày sau khi nhận được bảng tiến độ thi công của nhà thầu và các bên thống nhất về tiến độ thi công phù hợp với thực tế. Chủ đầu tư sẽ dựa vào bảng tiến độ thi công phù hợp với thực tế này để yêu cầu nhà thầu thực hiện theo tiến độ của hợp đồng;

- Trường hợp Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản 8.5 [Điều chỉnh tiến độ và thời gian thực hiện hợp đồng]. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bảng tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với quy định về các điều khoản sửa đổi.

d) Trường hợp gói thầu có hạng mục cào bóc tái sinh (CBTS), hoàn trả mặt đường BTN:

Vì gói thầu thi công trong điều kiện thời tiết có thể gặp mưa nên bổ sung một số quy định – là một trong những giải pháp để đảm bảo tiến độ, chất lượng và đảm bảo an ATGT trong quá trình thi công.

- Đối với nhà thầu thi công hạng mục cào bóc tái sinh (CBTS): Nhà thầu phải chủ động phối hợp Tư vấn giám sát, Điều hành dự án và các bên liên quan tăng cường kiểm soát chất lượng ngay trong giai đoạn thực hiện thi công lớp vật liệu CBTS và láng nhũ tương nhựa đường a xít theo quy định để làm cơ sở nghiệm thu hạng mục CBTS ngay sau khi đủ điều kiện; công tác bàn giao hạng mục CBTS phải đảm bảo khối lượng tối thiểu 1.500 m² để bố trí một ca thảm hỗn hợp bê tông nhựa (BTN) trên lớp CBTS, để cho Nhà thầu thi công hỗn hợp BTN triển khai thi công hoàn trả hỗn hợp BTN trong vòng 48 giờ (trừ trường hợp bất khả kháng). Trong điều kiện thời tiết bất lợi (trời mây mù, trời có thể có mưa ..), Nhà thầu phải thực hiện ngay một số biện pháp như: xẻ rãnh ngang để thoát nước, thi công hoàn trả bằng mặt đường cũ bằng vật liệu tạm....để ngăn ngừa, hạn chế hư hỏng lớp vật liệu CBTS sau khi thi công xong. Khi điều kiện thời tiết thuận lợi, thực hiện cào bóc bỏ, vệ sinh

làm sạch lớp bề mặt lớp CBTS, tưới lớp nhũ tương và hoàn trả hỗn hợp BTN theo hồ sơ thiết kế.

- Đối với Nhà thầu thi công hạng mục hỗn hợp BTN: Nhà thầu phải triển khai thăm hỗn hợp BTN ngay sau khi lớp CBTS được nghiệm thu (khối lượng tối thiểu 1.500 m² để bố trí một ca thăm hỗn hợp BTN theo quy định là 48 giờ kể từ thời điểm thi công xong lớp CBTS). Chậm nhất 48 giờ khi lớp CBTS được nghiệm thu nếu không thăm hỗn hợp BTN mà hỏng lớp CBTS (do phương tiện lưu thông trên lớp CBTS hoặc bị ảnh hưởng của điều kiện thời tiết mưa) thì Nhà thầu thi công hạng mục hỗn hợp BTN chịu trách nhiệm và đảm nhận khi phí sửa chữa lớp CBTS (trừ trường hợp bất khả kháng) và công tác tổ chức thực hiện đảm bảo giao thông trên đoạn tuyến sửa chữa CBTS.

Ngoài ra, Nhà thầu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 21.4 Điều 21 Hợp đồng.

8.5. Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng:

8.5.1. Tiến độ và thời gian thực hiện gói thầu được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Do ảnh hưởng của thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh, do điều kiện thời tiết như mưa, bão... hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng không thể triển khai thi công đảm bảo chất lượng công trình hoặc các sự kiện bất khả kháng khác. Chủ đầu tư và Nhà thầu đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp⁶.

b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

c) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;

d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra;

Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cần thực hiện các công việc sau:

- Bên giao thầu, Bên nhận thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên giao thầu, Bên nhận thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng

⁶ Khu QLDB III sẽ không gia hạn tiến độ nếu xác định do lỗi của nhà thầu; trường hợp gia hạn do điều kiện bất khả kháng, thời gian được gia hạn sẽ trừ vào các ngày được xác định do lỗi của nhà thầu không triển khai thi công theo quy định.

làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

e) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư.

8.5.2. Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài thời gian thực hiện gói thầu (bao gồm cả thời gian được kéo dài thêm theo quy định của hợp đồng) thì Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài thời gian thực hiện gói thầu thì Chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

8.5.3. Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 và Thông tư số 02/2023/TT-BXD, Bên giao thầu và Bên nhận thầu có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ:

Khi tiến độ thi công thực tế bị chậm hơn so với tiến độ thi công được duyệt (hoặc được điều chỉnh) của công việc nào đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu tại khoản 8.5 [Điều chỉnh tiến độ và thời gian thực hiện hợp đồng], Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu trình một bảng tiến độ thi công sửa đổi để chấp thuận làm cơ sở cho nhà thầu thực hiện nhằm bảo đảm hoàn thành hợp đồng trong thời gian yêu cầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1- Giá hợp đồng: VNĐ (bao gồm thuế VAT 8% và chi phí dự phòng cho gói thầu)

(Bằng chữ:).

- Chi phí dự phòng cho gói thầu chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng, được Chủ đầu tư phê duyệt và ký kết Phụ lục Hợp đồng làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục: Biểu giá hợp đồng

9.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.

9.3. Tạm ứng hợp đồng và thu hồi tiền tạm ứng:

a) Tạm ứng hợp đồng: Sẽ được thực hiện như sau (trừ trường hợp nhà thầu không thực hiện tạm ứng):

Sau khi ký kết Hợp đồng, Nhà thầu có văn bản đề nghị tạm ứng hợp đồng; trong đó, Nhà thầu nêu rõ mục đích sử dụng tiền tạm ứng, bao gồm: khối lượng, chủng loại vật liệu, nhân công và máy móc thiết bị cần thiết (nếu có) kèm theo bảo lãnh tạm ứng hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu không quá **30%** giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng cho gói thầu), tương ứng với giá trị: đồng (Bằng chữ:).

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được tiền tạm ứng mà nhà thầu không cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh đã huy động nhân sự, máy móc thiết bị, phòng thí nghiệm, trình chấp thuận nguồn vật liệu chính phù hợp với tiến độ đảm bảo đủ điều kiện triển khai thi công (có xác nhận của TVGS) và trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được tiền tạm ứng mà nhà thầu không cung cấp các chứng từ hợp lệ về việc sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích được nêu trong văn bản đề nghị tạm ứng cho Chủ đầu tư (qua bộ phận Tài chính thuộc phòng Kế hoạch Tài chính) thì Chủ đầu tư sẽ thu hồi tạm ứng theo quy định.

Trường hợp: (i) Không đủ vốn thì giá trị Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu ít hơn và số lần tạm ứng phụ thuộc vào dự toán chi NSNN được duyệt của cấp có thẩm quyền cho Khu QLDB III; (ii) Do dự án điều chỉnh ảnh hưởng đến dự toán chi NSNN được phê duyệt, việc tạm ứng của nhà thầu sẽ phụ thuộc dự toán chi NSNN được duyệt của cấp có thẩm quyền cho Khu QLDB III.

Trong mọi trường hợp, để bảo đảm tiến độ dự án trong khi chờ tạm ứng vốn theo dự toán chi NSNN, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện bỏ vốn⁷ trước để triển khai thi công công trình theo quy định tại Điều 8 và các điều khoản khác của Hợp đồng; đồng thời sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của Hợp đồng nếu không triển khai thực hiện (trong trường hợp này nhà thầu sẽ không được tính lãi).

b) Thu hồi tiền tạm ứng hợp đồng:

+ Thời điểm thu hồi tạm ứng bắt đầu từ lần thanh toán đầu tiên.

+ Tiền tạm ứng được thu hồi dần vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành, giá trị khấu trừ bằng 50% giá trị tạm ứng của mỗi kỳ thanh toán hoặc theo tỷ lệ % tương ứng với tỷ lệ khối lượng hoàn thành của từng đợt thanh toán để đảm bảo vốn tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt đến 80% tổng giá trị hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư thấy nhà thầu thi công chậm có khả năng không hoàn thành công trình theo tiến độ hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến quyết toán kinh phí bảo trì của năm thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ ở mức cao hơn 50% để đảm bảo khấu trừ hết số tiền đã tạm ứng cho nhà thầu nhằm đảm bảo quyền lợi của Chủ đầu tư. Tiền tạm ứng hợp đồng sẽ được thu hồi hết khi đến thời hạn ngày 15 tháng 12 của năm ký kết hợp đồng.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng theo Điều 18 [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng], hoặc Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả. Nghiêm cấm việc tạm ứng mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng

⁷ Theo quy định tại Mục 2.1 Chương III của E-HSMT.

mục đích của hợp đồng xây dựng đã ký.

c) Hồ sơ tạm ứng hợp đồng: Gồm văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu (nêu rõ mục đích sử dụng, loại, khối lượng các loại vật tư), bảo lãnh tạm ứng do Ngân hàng hoặc Tổ chức tín dụng cấp.

9.4. Thanh toán hợp đồng:

Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá của hợp đồng;

Việc thanh toán khối lượng theo hợp đồng được thực hiện không quá **04 lần** trong quá trình thực hiện hợp đồng cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

Khi thanh toán hợp đồng lần cuối cùng Chủ đầu tư được quyền giữ lại **2%** giá hợp đồng cho đến khi có kết quả kiểm toán của Kiểm toán độc lập và có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (sau đây gọi là QTDAHT) của cấp có thẩm quyền Chủ đầu tư sẽ thanh toán số tiền giữ lại này cho Nhà thầu. (Bao gồm cả tiền lãi phát sinh trong thời gian tạm giữ).

• Tiền giữ lại chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt QTDAHT được gửi vào Tài khoản tiền gửi của Khu Quản lý đường bộ III tại Kho bạc nhà nước khu vực XIII số 3751.0.111934900000.

9.5. Thời hạn thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo kế hoạch vốn hàng năm của Cục ĐBVN ghi cho công trình, nhà thầu sẽ không được tính lãi trong trường hợp phải bỏ vốn trước để thi công công trình hoặc khi Chủ đầu tư thanh toán chậm.

9.6. Thanh toán tiền giữ lại chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (QTDAHT):

Kể từ ngày QTDAHT của dự án được đơn vị Tư vấn kiểm toán độc lập phát hành Báo cáo kiểm toán và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiền giữ lại chờ phê duyệt QTDAHT cho Nhà thầu sau khi trừ giá trị bị xuất toán theo quyết định phê duyệt QTDAHT của cấp có thẩm quyền;

Trường hợp giá trị bị xuất toán ở bước kiểm toán độc lập hoặc bước thẩm tra, phê duyệt QTDAHT lớn hơn giá trị Chủ đầu tư giữ lại tương ứng thì Nhà thầu phải chuyển trả cho Chủ đầu tư toàn bộ số chênh lệch giữa giá trị bị xuất toán với giá trị giữ lại theo quy định tại văn bản yêu cầu chuyển trả tiền của Chủ đầu tư.

9.7. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

a) Đồng tiền thanh toán : Bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

b) Hình thức thanh toán : Chuyển khoản.

9.8. Hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công.

Điều 10. Điều chỉnh khối lượng công việc và giá hợp đồng xây dựng

10.1. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng:

a) Việc điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

b) Giá hợp đồng sau điều chỉnh (bao gồm cả khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký) không vượt giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt thì Chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán của gói thầu đã được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận trước khi điều chỉnh.

c) Khi ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, các bên cần xác định rõ khối lượng công việc bổ sung, phát sinh và đơn giá áp dụng. Khối lượng công việc bổ sung, phát sinh phải được Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, quản lý dự án và Nhà thầu thống nhất và được Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

10.2. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng:

Hợp đồng này chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014:

a) Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

b) Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng, cụ thể: Khối lượng công việc bổ sung hợp lý hoặc những khối lượng thay đổi giảm là những khối lượng công việc nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng; hoặc những công trình, hạng mục công trình, công việc không phải thực hiện của thiết kế kèm theo hợp đồng.

c) Các trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, bất khả kháng khác (như: khi thi công gặp hang castor, túi bùn, cỏ vật, khảo cổ) mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng, được Người quyết định đầu tư chấp thuận.

d) Các quy định hướng dẫn khác của Luật, Nghị định, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn... được cấp thẩm quyền ban hành trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm điều chỉnh, bổ sung và thay thế cho phù hợp với thực tiễn.

10.3. Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng:

a) Đối với những khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm, đơn giá áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 10.4 của Điều này.

b) Việc điều chỉnh khối lượng công việc giữa các thành viên trong liên danh nhà thầu không làm thay đổi giá hợp đồng xây dựng thì chủ đầu tư quyết định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của các thành viên liên danh và năng lực, kinh nghiệm

của từng thành viên, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả, tiến độ của hợp đồng.

c) Nhà thầu có trách nhiệm ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng để thực hiện khối lượng công việc bổ sung, phát sinh và đơn giá áp dụng được Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10.4. Điều chỉnh giá hợp đồng:

a) Khi điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung hợp đồng thì phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở điều chỉnh giá hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán điều chỉnh, phát sinh theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và hợp đồng xây dựng làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng

- Về khối lượng: Theo hồ sơ thiết kế BVTC điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt (nếu có).

- Về đơn giá

+ Trường hợp (1): Trường hợp khối lượng phát sinh tăng chưa có đơn giá trong Bảng giá hợp đồng (do điều chỉnh quy mô dự án, điều chỉnh giải pháp kết cấu, bổ sung hạng mục sửa chữa, ...) thì lập đơn giá tổng hợp mới cho hạng mục công việc tương ứng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại thời điểm điều chỉnh nhân với tỷ lệ giảm giá⁸.

+ Trường hợp (2): Trường hợp khối lượng hạng mục công việc ghi trong Bảng giá Hợp đồng giảm hoặc tăng nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng thì áp dụng đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng cho khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có).

+ Trường hợp (3): Trường hợp khối lượng hạng mục công việc ghi trong Bảng giá Hợp đồng tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng, đồng thời làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và chênh lệch giữa đơn giá tổng hợp được lập mới tại thời điểm điều chỉnh nhân với tỷ lệ giảm giá và đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng của công việc đó lớn hơn 1% thì áp dụng đơn giá có giá trị thấp hơn giữa đơn giá tổng hợp được lập mới tại thời điểm điều chỉnh nhân với tỷ lệ giảm giá và đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng đã ký cho khối lượng phát sinh tăng.

+ Trường hợp (4): Trường hợp khi khối lượng chi tiết thực tế hiện trường có thay đổi so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt dẫn đến làm thay đổi trên 0,25% giá trị hợp đồng và chênh lệch giữa đơn giá tổng hợp được lập mới tại thời điểm điều chỉnh nhân với tỷ lệ giảm giá và đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng của công việc đó lớn hơn 1% thì áp dụng đơn giá có giá trị thấp hơn giữa

⁸ Tỷ lệ giảm giá là tỷ lệ giữa giá trúng thầu và giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được duyệt trước thời điểm đóng thầu

đơn giá tổng hợp được lập mới tại thời điểm điều chỉnh nhân với tỷ lệ giảm giá và đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng đã ký

+ Trường hợp (5): Trường hợp gói thầu có liên quan đến hỗn hợp BTN thì thực hiện như sau:

Khi dữ liệu đầu vào là tỷ lệ thành phần bê tông nhựa, vị trí mỏ đá, vị trí trạm trộn của hỗn hợp BTN theo kết quả thí nghiệm thực tế hiện trường (trong hồ sơ hoàn công) có thay đổi, điều chỉnh so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán gói thầu được duyệt và E-HSDT thì khối lượng hạng mục công việc có liên quan đến BTN (bao gồm công tác thảm BTN, vận chuyển BTN) được áp dụng đơn giá có giá trị thấp hơn giữa đơn giá tổng hợp được lập mới theo dữ liệu đầu vào tại thời điểm triển khai thi công nhân với tỷ lệ giảm giá (nếu có) và đơn giá trúng thầu trong Bảng giá hợp đồng đã ký.

- Trường hợp hợp đồng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bất khả kháng thì điều chỉnh theo Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

Trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định tại điều 14 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

11.1. Quyền của Chủ đầu tư:

- Nếu Nhà thầu vi phạm về chất lượng, tiến độ, an toàn giao thông và các nghĩa vụ khác của Nhà thầu thì Chủ đầu tư có quyền xử lý như quy định tại Điều 21 của Hợp đồng.

- Tạm dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi bên nhận thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

- Tạm giữ tiền thanh toán hợp đồng của Nhà thầu trong thời gian chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (QTDAHT) theo quy định tại Khoản 9.4 Điều 9 của hợp đồng;

- Yêu cầu Nhà thầu chuyển trả số tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với số tiền Nhà thầu được thanh toán theo quyết định phê duyệt QTDAHT của cấp có thẩm quyền hoặc số chênh lệch giữa giá trị bị xuất toán và giá trị Chủ đầu tư tạm giữ lại để chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt QTDAHT theo quy định tại Khoản 9.4 và Khoản 9.6 Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] của hợp đồng;

- Ngoài các quyền khác đã quy định trong hợp đồng, Chủ đầu tư còn có quyền khiếu nại khi:

Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho nhà thầu.

Phải thông báo càng sớm càng tốt sau khi Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc

tình huống dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.

Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:

- + Số tiền (*nếu có*) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;
- + Kéo dài (*nếu có*) thời hạn thông báo sai sót.

Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này.

11.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư còn có các nghĩa vụ sau:

- a) Bàn giao mặt bằng xây dựng cho nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thoả thuận của hợp đồng;
- b) Tạm ứng và thanh toán cho Nhà thầu theo kế hoạch vốn hàng năm của Cục ĐBVN ghi cho công trình (bao gồm thanh toán tiền giữ lại chờ kết quả kiểm toán độc lập và chờ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Khoản 9.6 Điều 9 của hợp đồng và hoàn trả tiền bảo hành công trình theo quy định tại Điểm 19.2.f Điều 19 của hợp đồng);
- c) Thuê Tư vấn giám sát và quản lý dự án (hoặc giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án) cho công trình;
- d) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan cho nhà thầu theo thoả thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ của nhà thầu;
- e) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình;
- f) Nếu phát hiện thấy nhà thầu không sử dụng vốn tạm ứng vào việc thi công xây dựng công trình thì Chủ đầu tư sẽ thu hồi lại vốn tạm ứng của nhà thầu;
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu thi công xây dựng

Trách nhiệm của Nhà thầu thi công xây dựng theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

12.1. Quyền của Nhà thầu

- a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 hướng dẫn một số

nội dung về hợp đồng xây dựng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.

12.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDT (HSDX) hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Việc không thực hiện huy động theo quy định (E-HSMT, E-HSDT và Hợp đồng) ảnh hưởng đến tiến độ công trình ngoài bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nhà thầu được coi là không đạt về yêu cầu năng lực, kinh nghiệm, sẽ bị xử lý vi phạm hợp đồng tại Điều 18. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDT, đảm bảo đúng quy định.

b) Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu không sử dụng nhân sự của Nhà thầu cho việc thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.

c) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

d) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

e) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

g) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 05 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp gói thầu xây dựng có sử dụng lu rung để thi công lu lèn phải có biện pháp phòng ngừa trường hợp người dân khiếu nại hư hỏng công trình, nứt nhà: Để cơ sở xác định việc hư hỏng công trình, nứt nhà (nếu có) xảy ra trước hay sau khi thi công gói thầu, Nhà thầu thi công chủ trì và Tư vấn giám sát tham gia (trường hợp gói

thầu có Tư vấn Quản lý dự án thì Tư vấn Quản lý dự án chủ trì) mời UBND cấp xã và các hộ dân trong phạm vi thi công có tuyến đường đi qua để kiểm tra, xác nhận tình trạng công trình, nhà dân và lập biên bản làm việc (kèm theo hình ảnh, video) trước khi tiến hành thi công ngoài hiện trường. Trường hợp xảy ra hư hỏng, thiệt hại do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công thì nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.

i) Nhà thầu phải chấp hành việc xuất toán giá trị thanh toán (kể cả trường hợp đã thanh lý Hợp đồng) khi có văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư trên cơ sở kết quả Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành hoặc Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc Kết luận của Cơ quan có thẩm quyền (Kiểm toán Nhà nước hoặc Cơ quan thanh tra). Trường hợp Nhà thầu không chấp hành, Chủ đầu tư sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cấm Nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư và thông báo rộng rãi trên mạng đấu thầu quốc gia theo quy định hiện hành.

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

12.3. Nhân lực của Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; gây nguy cơ mất an toàn giao thông hoặc chậm trễ tiến độ hoặc vi phạm về chất lượng; phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Nhà thầu sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế; trường hợp nhà thầu không thay thế thì chủ đầu tư quyết định tạm dừng thi công và chủ đầu tư sẽ không nghiệm thu hạng mục, khối lượng mà nhà thầu thi công vẫn tiếp tục thi công trong thời gian nhân sự không được thay thế; nếu thời gian chậm trễ vì nguyên nhân này thì nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

Nhà thầu phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác với đủ số lượng và chủng loại theo hồ sơ dự thầu để thực hiện các công việc theo hợp đồng đã ký kết cụ thể như sau:

◆ Nhân sự chủ chốt tham gia thực hiện gói thầu:

STT	Chức danh đảm nhận	Họ và tên	Ghi chú

STT	Chức danh đảm nhận	Họ và tên	Ghi chú

Khi thay đổi nhân sự chủ chốt hoặc thiết bị thi công nêu trên nhà thầu phải báo cáo bằng văn bản cho Chủ đầu tư và khi được Chủ đầu tư chấp thuận mới được triển khai thực hiện, nếu không sẽ bị xử lý như mục e - Điều 18 [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư], khoản 18.2 của Hợp đồng này. Trường hợp nhà thầu không bố trí nhân sự chủ chốt hoặc nhân sự thay thế không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì nhà thầu bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, đối với trường hợp nhân sự chủ chốt trong quá trình tham gia gói thầu xây lắp có vi phạm mà Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế thì nhân sự này sẽ không được Chủ đầu tư chấp thuận tham gia dự thầu, thực hiện các gói thầu do Khu QLDB III làm chủ đầu tư trong năm sau liền kề (01 năm) kể từ ngày Khu QLDB III có văn bản từ chối.

Nhà thầu phải thi công công trình đúng thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn giao thông, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo hợp đồng và đúng các quy định hiện hành;

12.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

12.5. Hợp tác

Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;

Các dịch vụ cho những người này và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư.

12.6. Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác

định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

Trường hợp, Nhà thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Điều 22 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

12.7. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

- a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSMT (HSYC) hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;
- b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;
- c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.
- d) Các quy định của pháp luật về lao động;
- đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 20 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

12.8. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm dụng toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải lắp đặt các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

12.9. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 05 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

12.10. Thiết bị Nhà thầu

◆ Thiết bị huy động để thực hiện gói thầu:

STT	Tên thiết bị (đầu thiết bị)	Số lượng	Ghi chú

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường. Trường hợp nhà thầu không huy động, bố trí thiết

bị thi công yếu để triển khai thi công hoặc thiết bị thay thế không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì nhà thầu bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các phương tiện vận chuyển của mình trên công trường (kể cả phương tiện của các đơn vị cung ứng vật liệu), phương tiện đi thuê, mượn đảm bảo việc tuân thủ theo các quy định về kích thước thùng hàng, tải trọng quy định đối với phương tiện, cụ thể:

- Nhà thầu phải thực hiện đúng cam kết không sử dụng xe quá khổ, quá tải để thi công; không coi nói thành thùng xe để chở hàng quá tải trọng; xếp hàng, chở hàng đúng trọng tải quy định; lựa chọn cách xếp hàng hoá và loại hình vận tải phù hợp để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, không vi phạm theo quy định tại Thông tư số 41/2023/TT-BGTVT của Bộ GTVT ngày 29/12/2023 Quy định về xếp hàng hoá trên xe ô tô khi tham gia giao thông trên đường bộ. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo Quy định hiện hành của Nhà nước và của Ngành GTVT (trừ trường hợp có giấy phép lưu hành đặc biệt).

- Không tiếp nhận vật tư, vật liệu của các xe vi phạm về kích thước thùng hàng và chở hàng vượt quá tải trọng quy định do các đơn vị cung cấp; không bốc xúc, xếp vật tư, vật liệu cho xe quá tải, xe vi phạm kích thước thùng hàng (trừ trường hợp có giấy phép lưu hành đặc biệt).

- Các phương tiện vận chuyển của nhà thầu trên công trường (kể cả các phương tiện của nhà cung cấp vật tư, vật liệu) phải đăng ký biển số xe, trọng lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông với TVGS, Chủ đầu tư.

- Định kỳ báo cáo với bên giao thầu về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công xây dựng công trình.

- Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường trong thời hạn quy định sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao hoặc hợp đồng bị chấm dứt.

- Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng vào việc phục vụ thi công gói thầu này, nghiêm cấm nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng hợp đồng vào mục đích khác.

- Cung cấp cho Chủ đầu tư 01 đĩa DVD hoặc USB ghi bản chụp các bản vẽ hoàn công được sao chụp với độ phân giải tối thiểu **300ppi**.

- Cung cấp bản chụp hợp đồng thi công xây dựng này và các hồ sơ liên quan khác cho các nhà thầu tư vấn do Chủ đầu tư lựa chọn và Văn phòng Quản lý đường bộ khu vực để tham gia quản lý, giám sát việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án theo các phụ lục đính kèm hợp đồng này (phụ lục 1 đến phụ lục 4).

12.11. Vật liệu do Chủ đầu tư cấp (nếu có)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng thiết bị của Chủ đầu tư đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Nhà thầu phải thanh toán số tiền này cho Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư phải cung cấp, miễn phí “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu do Chủ đầu tư cấp sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không làm giảm trách nhiệm của Chủ đầu tư đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

12.12. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể xử lý theo quy định.

12.13. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thăm

quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 22 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Quản lý dự án

13.1. Trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp Quản lý dự án:

Thực hiện theo Quyết định thành lập và giao nhiệm vụ cho Tổ Quản lý dự án của Khu Quản lý đường bộ III.

13.2. Trường hợp thuê Quản lý dự án:

Thực hiện theo hợp đồng Quản lý dự án áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án) thuộc dự án được ký giữa Chủ đầu tư với nhà thầu tư vấn giám sát; Quản lý dự án.

Các thông tin về nhà thầu Quản lý dự án áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án) đối với gói thầu này sẽ được Chủ đầu tư cung cấp cho nhà thầu thi công sau khi ký hợp đồng Quản lý dự án.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Tư vấn giám sát

Thực hiện theo hợp đồng giám sát thi công xây dựng thuộc dự án được ký giữa Chủ đầu tư với nhà thầu tư vấn giám sát;

Các thông tin về nhà thầu giám sát thi công xây dựng đối với gói thầu này sẽ được Chủ đầu tư cung cấp cho nhà thầu thi công sau khi ký hợp đồng Tư vấn giám sát.

Điều 15. Nhà thầu phụ

15.1. Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận;

b) Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, các sai sót và các công việc/ngĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

c) Nhà thầu không được giao cho Nhà thầu phụ thực hiện vượt quá **35%** giá trị hợp đồng.

15.2. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)

a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một Nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp

đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu (sau khi Chủ đầu tư đã có văn bản nhắc nhở/đơn đốc/chấn chỉnh đến lần thứ 03 (ba) nhưng vẫn không đáp ứng tiến độ theo hợp đồng).

b) Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng (trừ trường hợp Nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền bổ sung nhà thầu phụ mà Nhà thầu không được quyền từ chối; nếu Nhà thầu không tuân thủ thực hiện thì sẽ bị xử lý theo quy định).

15.3. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất của Nhà thầu (*hoặc theo thỏa thuận khác của các bên*).

15.4. Hợp tác với Nhà thầu khác.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các Nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.

Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.

15.5. Hợp đồng thầu phụ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các nội dung trong hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu hợp đồng tại phụ lục kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Điều 16. An toàn lao động, an toàn giao thông , bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

16.1. An toàn lao động

a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn

lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

16.2. Bảo vệ môi trường

a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

16.3. Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

16.4. An toàn giao thông:

Nhà thầu tuyệt đối không được để xảy ra tình trạng mất ATGT do yếu tố kỹ thuật của công trình trong phạm vi do mình thi công. Nếu để xảy ra tình trạng mất ATGT do yếu tố kỹ thuật của công trình thì nhà thầu phải tìm mọi biện pháp để khắc phục nhằm đảm bảo ATGT, đồng thời phải chịu mọi thiệt hại về vật chất để khắc phục.

Giám đốc của nhà thầu thi công phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật của nhà nước về việc để xảy ra tai nạn giao thông trong phạm vi do mình thi công do lỗi hoặc sai sót trong việc tổ chức đảm bảo giao thông tại khu vực đang thi công.

Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường

17.1. Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.

17.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

18.1. Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể:

Chủ đầu tư quyết định dừng thực hiện công việc trong hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công trình, công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 03 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 18.1 của hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Không triển khai tiếp nhận bàn giao mặt bằng hoặc không triển khai khởi công công trình theo thông báo của Chủ đầu tư;

c) Không triển khai khởi công trong thời gian 03 (ba) ngày kể từ ngày bàn giao,

tiếp nhận mặt bằng mà không mà không có văn bản báo cáo Chủ đầu tư về lý do chính đáng (trừ trường hợp phải thực hiện công tác thí nghiệm thiết kế vật liệu đầu vào để phục vụ thi công) thì Chủ đầu tư sẽ xem xét xử lý hợp đồng theo 1 trong 2 phương án tùy theo tính chất của gói thầu: hoặc điều chuyển một phần khối lượng cho nhà thầu phụ khác do Chủ đầu tư chỉ định hoặc chấm dứt hợp đồng.

c) Không có lý do chính đáng mà 07 (bảy) ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng mà không có văn bản báo cáo, kiến nghị Chủ đầu tư;

d) Vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 8 Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 hoặc điểm i khoản 2 Điều 20 và Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;

đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

e) Nhà thầu bị Chủ đầu tư xử lý chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 21 của Hợp đồng.

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 05 ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng không ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm của nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian 07 ngày, Nhà thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này.

Trường hợp đặc biệt, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng vào bất cứ lúc nào, bằng cách thông báo cho nhà thầu việc chấm dứt hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 05 ngày kể từ khi nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư

hoặc Chủ đầu tư trả lại bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

f) Không thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định.

18.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 18.2 của hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

18.4. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành, thời gian bảo hành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành, bảo hành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

18.5. Xử lý sau khi chấm dứt hợp đồng:

Sau khi chấm dứt hợp đồng, căn cứ mức độ vi phạm Chủ đầu tư sẽ thực hiện xử lý vi phạm: (i) theo quy định tại Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; (ii) Các quy định hướng dẫn khác của Luật, Nghị định, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn... được cấp thẩm quyền ban hành trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm điều chỉnh, bổ sung và thay thế cho phù hợp với thực tiễn.

Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành

19.1. Bảo hiểm: Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của nhà thầu và bảo hiểm đối với bên thứ ba. Nhà thầu phải cung cấp chứng từ cho Chủ đầu tư để chứng minh là Nhà thầu đã mua đầy đủ các loại bảo hiểm trước khi khởi công công trình.

19.2. Bảo hành công trình:

a) Bên thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra;

b) Thời hạn bảo hành công trình:

- Là tháng kể từ ngày công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và phải được Chủ đầu tư xác nhận hoàn thành trách nhiệm bảo hành. Trong thời gian bảo hành, nhà

thầu có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình và thời gian bảo hành công trình kéo dài so với quy định là 24 tháng nếu chất lượng công tác sửa chữa, khắc phục được các bên có liên quan đánh giá không đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với các hạng mục công trình trong quá trình thi công có khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố đã được nhà thầu sửa chữa, khắc phục thì thời gian bảo hành của các hạng mục công trình này thực hiện theo quy định.

c) Mức tiền bảo hành công trình là: **5%** giá hợp đồng;

d) Hình thức bảo hành công trình: Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị quyết toán hợp đồng gửi vào Tài khoản bảo hành công trình của Khu Quản lý đường bộ III Số tại Ngân hàngkhi thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành đợt cuối cho Nhà thầu;

đ) Nội dung và yêu cầu về bảo hành công trình:

- Nội dung bảo hành công trình thực hiện theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ;

- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện ngay việc bắt đầu và hoàn thành sửa chữa bảo hành công trình, hạng mục công trình sau khi nhận được thông báo yêu cầu Văn phòng quản lý đường bộ sở tại hoặc Khu QLDB III đối với các hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành và phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện bảo hành.

- Trong quá trình thi công hoặc thời gian bảo hành có hư hỏng, khiếm khuyết về chất lượng (do lỗi của nhà thầu), nhà thầu phải thực hiện việc sửa chữa, bảo hành khi nhận được thông báo sửa chữa của Chủ đầu tư (thời gian phải hoàn thành cụ thể trên cơ sở thực trạng hư hỏng của công trình, yêu cầu về công tác đảm bảo giao thông, an toàn công trình, được quy định tại văn bản của Chủ đầu tư (Khu QLDB III hoặc Văn phòng QLDB trực thuộc). Chủ đầu tư (Khu hoặc Văn phòng QLDB trực thuộc) sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu thi công triển khai sửa chữa, khắc phục và có mốc thời gian yêu cầu phải hoàn thành cụ thể tùy theo tính chất hư hỏng. Nếu nhà thầu không tiến hành sửa chữa, bảo hành sau khi Chủ đầu tư có 02 (hai) văn bản thì Chủ đầu tư có quyền sử dụng kinh phí bảo hành của gói thầu để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa ngay. Các nhà thầu chỉ được hoàn trả bảo hành công trình sau khi được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành (kể cả thời hạn bảo hành kéo dài thêm đối với các hạng mục có hư hỏng, khiếm khuyết về chất lượng đã được nhà thầu sửa chữa trong thời gian bảo hành chính) theo quy định tại văn bản số 3168/CĐBVN-QLBTKCHTGT ngày 22/5/2023 của Cục ĐBVN). Tối thiểu sau 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc công tác sửa chữa bảo hành (kể cả đã hết thời gian bảo hành) mới được Chủ đầu tư kiểm tra và xác nhận kết thúc bảo hành nhằm có thời gian kiểm chứng chất lượng để ngăn ngừa trường hợp nhà thầu sửa chữa không đảm bảo, tiếp tục hư hỏng tại các hạng mục, vị trí sửa chữa trong thời gian bảo hành.

Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị thí nghiệm độc lập kiểm tra chất lượng sửa chữa và nhà thầu phải trả kinh phí (kể cả thí nghiệm đạt chất lượng).

- Trường hợp hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành của dự án, gây mất an toàn giao thông, cần phải khắc phục để ĐBGTT khẩn cấp; nếu sau 24 giờ nhận được thông báo của Văn phòng QLDB trực thuộc hoặc Khu QLDB III mà Nhà thầu thi công không kịp thời thực hiện, Văn phòng QLDB trực thuộc có trách nhiệm yêu cầu Nhà thầu QL,BDTX thực hiện ngay công tác khắc phục bằng vật liệu phù hợp để đảm bảo an toàn giao thông (việc thực hiện được lập Biên bản giữa Nhà thầu QL,BDTX với Văn phòng QLDB trực thuộc và được quay phim, chụp ảnh), chi phí này sẽ được lập dự toán để phê duyệt và thanh toán từ nguồn kinh phí bảo hành dự án của Nhà thầu thi công do Chủ đầu tư tạm giữ.

- Trường hợp là Nhà thầu liên danh:

+ Các thành viên liên danh có trách nhiệm thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình, hạng mục công trình tương ứng phần công việc do mình đảm nhận. Các thành viên trong liên danh có thể thực hiện trách nhiệm bảo hành của thành viên khác khi được các thành viên thống nhất, thoả thuận bằng văn bản và được Chủ đầu tư chấp thuận;

+ Trường hợp 02 Nhà thầu thi công trong liên danh cùng tham gia thi công 1 kết cấu (Ví dụ: Nhà thầu A thi công lớp cào bóc tái sinh bên dưới, Nhà thầu B thi công lớp BTN bên trên ở cùng một vị trí, đoạn tuyến), nếu phát sinh hư hỏng kết cấu mà 02 Nhà thầu không thống nhất được trách nhiệm bảo hành thì 02 Nhà thầu phải hợp đồng thuê đơn vị tư vấn kiểm định độc lập để đánh giá nguyên nhân hư hỏng và xác định trách nhiệm bảo hành (thuộc về trách nhiệm của Nhà thầu A hoặc B hoặc cả hai), làm cơ sở để Nhà thầu thực hiện trách nhiệm bảo hành. Trường hợp cả 02 Nhà thầu không thất nhất được đơn vị tư vấn kiểm định thì Chủ đầu tư sẽ lựa chọn đơn vị kiểm định hoặc đã xác định được nguyên nhân hư hỏng mà Nhà thầu thoái thác, không công nhận trách nhiệm thì Chủ đầu tư có quyền xác định trách nhiệm dựa vào kết quả kiểm định. Kinh phí thuê đơn vị kiểm định do nhà thầu thi công chi trả.

e) Đối với các công trình trên các tuyến quốc lộ tại thời điểm ký Hợp đồng thi công xây dựng đang thực hiện thủ tục bàn giao tài sản về địa phương, Chủ đầu tư sẽ mời Sở Xây dựng (hoặc cơ quan đơn vị được UBND tỉnh phân công) tham gia công tác nghiệm thu hết bảo hành công trình.

g) Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bảo hành công trình (Bao gồm cả tiền lãi phát sinh trong thời gian tạm giữ nếu có) hoặc hoàn trả Bảo lãnh bảo hành cho nhà thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi nhà thầu hoàn thành **nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định** (Sau khi ký biên bản nghiệm thu hết bảo hành công trình).

h) Chủ đầu tư sẽ xử lý vi phạm hợp đồng trong thời gian bảo hành công trình

theo quy định tại Điều 18.

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

20.1. Rủi ro và bất khả kháng

Rủi ro và bất khả kháng thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

20.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 20.1 của hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

20.3. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản 7.5 của hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 20.3 của hợp đồng [Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Nhà thầu đúng với hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Nhà thầu và quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

20.4. Bồi thường rủi ro

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy

cho việc cầu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

20.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

20.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 22 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản 8.5 của hợp đồng [Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản 20.1 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

20.7. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 07 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 15 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực 01 ngày sau khi có thông báo.

Điều 21. Xử lý vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại do vi phạm

21.1- Vi phạm nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, sau 02 lần bị Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu bố trí nhân sự chủ chốt hoặc thiết bị thi công chủ yếu hoặc cả nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp theo cam kết trong đơn dự thầu nhưng nhà thầu không thực hiện hoặc huy động không đáp ứng thì Nhà thầu sẽ bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với việc chậm huy động/không huy động nhân sự chủ chốt theo quy định thì Tư vấn giám sát đình chỉ thi công ngay (thời gian chậm trễ do việc đình chỉ thi công không được gia hạn). Trong vòng 03 (ba) ngày, nếu nhân sự chủ chốt không có mặt tại công trường, biện pháp xử lý: (i) Lần 1: phê bình; (ii) Lần 2, nếu trong vòng 05 (năm) ngày không có mặt tại công trường: cảnh cáo; (iii) Lần 3, nếu quá 07 (bảy) ngày vẫn không có mặt: được xem như dừng thi công liên tục quá 07 ngày, thì chấm dứt hợp đồng áp dụng theo điểm c, d mục 18.2 Điều 18 Hợp đồng.

Trường hợp nhân sự chủ chốt vì lý do bất khả kháng (ốm đau, có việc gia đình) vắng mặt mà nhà thầu thi công không báo cáo bằng văn bản cho Tư vấn giám sát thì xem như cũng vi phạm và sẽ bị xử lý theo quy định như trên.

Ngoài quy định nêu trên, sẽ bị phạt tiền nếu nhân sự chủ chốt không có mặt tại công trường tại thời điểm kiểm tra (được Tư vấn giám sát hoặc Quản lý dự án báo cáo bằng văn bản, hoặc Chủ đầu tư (Khu QLDB III hoặc Văn phòng Quản lý đường bộ) kiểm tra hiện trường và phát hiện: Lần 1, phạt tiền 0,5% giá trị hợp đồng; lần 2, tiếp tục phạt 01% giá trị hợp đồng; từ lần thứ 3, cứ mỗi lần vi phạm, phạt 02% giá trị hợp đồng.

21.2- Vi phạm về chất lượng: Nhà thầu thi công vi phạm về chất lượng sẽ bị xử phạt theo quy định Pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo mức độ vi phạm, Nhà thầu sẽ bị xử lý cụ thể như sau:

a) Vi phạm về chất lượng lần thứ nhất: Chủ đầu tư có văn bản nhắc nhở hoặc chấn chỉnh (tùy theo tính chất vi phạm) Nhà thầu thi công và yêu cầu Nhà thầu triển khai công tác khắc phục vi phạm về chất lượng theo tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư;

b) Vi phạm về chất lượng lần thứ hai: Nhà thầu không thực hiện khắc phục vi phạm lần thứ nhất theo nội dung yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc khắc phục không đạt yêu cầu: Chủ đầu tư có văn bản đình chỉ thi công, yêu cầu khắc phục đạt yêu cầu mới tiếp tục triển khai thi công; thời gian chậm trễ do Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm; đồng thời, yêu cầu Nhà thầu thi công thay thế Chỉ huy trưởng;

c) Vi phạm về chất lượng lần thứ ba: Nhà thầu tiếp tục không thực hiện khắc phục vi phạm về chất lượng lần thứ 2 theo nội dung yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc tiếp tục vi phạm về chất lượng công trình: Phạt vi phạm hợp đồng với mức

phạt: 01% giá trị gói thầu xây lắp; yêu cầu nhà thầu thi công có biện pháp khắc phục và được Chủ đầu tư chấp thuận;

d) Trường hợp nhà thầu tiếp tục vi phạm về chất lượng: Cứ mỗi lần vi phạm kể từ lần thứ tư trở đi: Phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt: 02% giá trị gói thầu xây lắp/mỗi lần vi phạm. Hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng để xảy ra các sai phạm được Chủ đầu tư hoặc cơ quan chức năng đánh giá là **sai phạm nghiêm trọng về chất lượng** thì chủ đầu tư xử lý chấm dứt hợp đồng.

21.3. Vi phạm về ATLD, môi trường, công tác đảm bảo ATGT trong quá trình thi công: Nhà thầu thi công không tuân thủ biện pháp đảm bảo giao thông, môi trường trên đường đang khai thác để xảy ra nguy cơ mất an toàn lao động, mất ATGT, tai nạn giao thông, căn cứ các lỗi thể hiện trong Biên bản làm việc Nhà thầu sẽ bị xử phạt vi phạm hợp đồng, cụ thể như sau:

a) Vi phạm lần thứ nhất: Điều hành dự án hoặc Tư vấn giám sát hoặc Chủ đầu tư hoặc Văn phòng Quản lý đường bộ sở tại có văn bản nhắc nhở nhà thầu thi công và yêu cầu Nhà thầu triển khai ngay công tác khắc phục tồn tại, báo cáo về Chủ đầu tư để theo dõi, chỉ đạo.

b) Vi phạm lần thứ hai: Trong vòng 24 giờ kể từ khi có văn bản nhắc nhở vi phạm lần thứ nhất, nếu Nhà thầu không khắc phục hoặc khắc phục không đảm bảo theo quy định thì Văn phòng Quản lý đường bộ sở tại báo cáo về Chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng theo các hành vi cụ thể:

Hành vi	Mức phạt hợp đồng (đồng)	Ghi chú
<p>Vi phạm một trong các hành vi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thực hiện theo đúng các quy định trong Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình trong Hồ sơ dự thầu và vi phạm một trong các cam kết tại Bản cam kết bảo vệ môi trường; - Không bố trí người hướng dẫn, điều khiển giao thông khi thi công ở chỗ đường hẹp hoặc ở hai đầu cầu, cống, đường ngầm; - Không thu dọn ngay các biển báo hiệu, rào chắn, phương tiện, vật dụng thi công, các vật liệu khác hoặc không hoàn trả phần đường, phần đất dọc hai bên đường bộ dùng để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ, hành lang an toàn đường bộ theo nguyên trạng khi thi công xong. 	5.000.000 đồng	Yêu cầu khắc phục ngay
<p>Vi phạm một trong các hành vi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi công trên đường bộ đang khai thác không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông suốt để xảy ra ùn tắc giao thông nghiêm trọng; - Thi công trên đường bộ đang khai thác có bố trí biển báo hiệu, cọc tiêu di động, rào chắn nhưng không đầy đủ theo quy định; - Vi phạm hai cam kết trở lên tại Bản cam kết bảo vệ môi trường. 	10.000.000 đồng	

Hành vi	Mức phạt hợp đồng (đồng)	Ghi chú
Vi phạm một trong các hành vi sau: - Thi công công trình trên đường không thực hiện theo phương án thi công hoặc thời gian quy định; - Thi công trên đường bộ đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông; - Hành vi tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công.	20.000.000 đồng	

Ngoài việc kiến nghị xử phạt sau khi vi phạm lần thứ hai, Văn phòng Quản lý đường bộ sở tại lập Biên bản đình chỉ thi công, yêu cầu hoàn thành công tác khắc phục mới tiếp tục thi công.

c) Vi phạm lần thứ ba: Trường hợp Nhà thầu tiếp tục vi phạm lần thứ ba hoặc nhà thầu để xảy ra các sai phạm dẫn đến tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng (gây thiệt hại về người) trên công trình thì nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, đồng thời Chủ đầu tư xem xét xử lý chấm dứt hợp đồng.

21.4. Vi phạm tiến độ:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm tiến độ tùy theo mức độ sẽ bị xử lý như sau:

a) Trường hợp đã đủ điều kiện nghiệm thu lớp vật liệu cào bóc tái sinh (CBTS) và bàn giao mặt bằng mà nhà thầu không thảm bê tông nhựa (BTN) sau 48 giờ thì Tư vấn giám sát báo cáo để Chủ đầu tư chỉ định nhà thầu khác thi công thảm BTN (có thể nhà thầu trong thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ không tham gia gói thầu), và phần khối lượng, giá trị này xem như giảm trừ vào hợp đồng của nhà thầu thi công BTN do vi phạm quy định hợp đồng. Đồng thời, phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt: 0,2% giá trị gói thầu xây lắp/mỗi lần vi phạm tương ứng của Nhà thầu thi công hạng mục BTN

b) Trường hợp nhà thầu vi phạm chậm tiến độ từ **10% - 30%** giá trị khối lượng thực hiện thực tế (theo báo cáo của Điều hành dự án, Tư vấn giám sát) so với biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận: Chủ đầu tư nhắc nhở, yêu cầu Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát, Điều hành dự án chủ động triển khai ngay các giải pháp khắc phục tiến độ chậm trễ đáp ứng biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận;

c) Trường hợp nhà thầu vi phạm chậm tiến độ từ **30% - 50%** giá trị khối lượng thực hiện thực tế (theo báo cáo của Điều hành dự án, Tư vấn giám sát) so với biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận: Chủ đầu tư có văn bản cảnh cáo nhà thầu; thay thế nhân sự chủ chốt của nhà thầu (nếu cần thiết); toàn quyền chỉ định Nhà thầu phụ

hoặc chấp thuận Nhà thầu phụ đáp ứng điều kiện về năng lực và kinh nghiệm do Nhà thầu đề xuất để tham gia thực hiện gói thầu nhằm hoàn thành gói thầu đúng chất lượng và tiến độ;

d) Trường hợp nhà thầu vi phạm chậm tiến độ từ > **50%** giá trị khối lượng thực hiện thực tế so với biểu tiến độ thi công trong hồ sơ trúng thầu hoặc biểu tiến độ thi công của Nhà thầu lập điều chỉnh trong quá trình thi công đã QLDA, TVGS xem xét và được Chủ đầu tư chấp thuận: Ngoài việc cảnh cáo, Chủ đầu tư xem xét việc tiếp tục bổ sung Nhà thầu phụ thực hiện phần khối lượng tối đa của gói thầu theo quy định của hợp đồng đối với nhà thầu phụ có đủ năng lực và kinh nghiệm theo quy định hoặc xử lý chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu theo quy định.

Trường hợp là nhà thầu liên danh: Nếu có một hoặc nhiều nhà thầu trong liên danh bị chậm tương ứng với giá trị như trên, thì Chủ đầu tư có quyền chuyển toàn bộ khối lượng ngay cho nhà thầu khác trong liên danh/ do Chủ đầu tư chỉ định có đủ năng lực thực hiện mà cần / không cần có ý kiến của nhà thầu trong liên danh bị chậm trễ. Trường hợp nhà thầu vi phạm không chấp hành/ hoặc không hợp tác để xử lý các thủ tục điều chuyển khối lượng cho nhà thầu khác thì bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

e) Trường hợp vi phạm tiến độ dẫn đến thời gian thực hiện gói thầu kéo dài so với thời gian thực hiện gói thầu theo Hợp đồng đã ký kết thì ngoài việc xử lý vi phạm nêu trên, Chủ đầu tư xử phạt về kinh tế được thực hiện theo nguyên tắc và cụ thể như sau:

- Số ngày chậm tiến độ càng nhiều thì mức phạt áp dụng càng cao;
- Tổng số ngày bị chậm tiến độ rơi vào khung thời gian nào thì áp dụng mức phạt quy định cho khung thời gian đó để tính cho tất cả các ngày bị chậm;
- Số tiền bị phạt được xác định bằng **tổng số ngày chậm tiến độ** nhân với mức phạt cho 01 ngày bị chậm của khung thời gian mà tổng số ngày bị chậm rơi vào;
- Số ngày bị chậm tiến độ được xác định theo công thức:

Số ngày bị chậm tiến độ	=	Tổng số ngày dương lịch được đếm từ ngày bàn giao mặt bằng đến ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu.	-	Thời gian thực hiện gói thầu theo hợp đồng đã ký.
-------------------------	---	---	---	---

Nếu kết quả phép tính ≤ 0 : Nhà thầu không vi phạm tiến độ hợp đồng;

Nếu kết quả phép tính > 0 : Nhà thầu vi phạm tiến độ hợp đồng và kết quả của phép tính là số ngày bị chậm tiến độ của nhà thầu.

- Mức phạt áp dụng cho từng khung thời gian chậm tiến độ như sau:
 - Chậm từ 1 - 5 ngày: Bị phạt 0,025% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm/01ngày;
 - Chậm từ 6 - 10 ngày: Bị phạt 0,05% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm/01ngày;
 - Chậm từ 11 - 20 ngày: Bị phạt 0,075% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm /01ngày;
 - Chậm từ 21 ngày trở lên: Bị phạt 0,1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm /01ngày.
- Tổng số tiền phạt hợp đồng không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm⁹.

21.5. Xử lý vi phạm trong bảo hành công trình:

Chủ đầu tư (Khu hoặc Văn phòng QLDB trực thuộc) sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu thi công triển khai sửa chữa, khắc phục và có mốc thời gian yêu cầu phải hoàn thành cụ thể tùy theo tính chất hư hỏng. Nếu nhà thầu không tiến hành sửa chữa, bảo hành sau khi Chủ đầu tư có 02 (hai) văn bản thì Chủ đầu tư có quyền sử dụng nguồn kinh phí bảo hành và nguồn kinh phí giữ lại chờ quyết toán của công trình này và các công trình khác do Nhà thầu thực hiện để thuê đơn vị khác thực hiện; trường hợp khối lượng hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa bảo hành vượt quá giá trị kinh phí giữ lại thì Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành phải tự bỏ kinh phí để khắc phục, sửa chữa hoặc thuê đơn vị khác thực hiện. Trường hợp Nhà thầu từ chối thực hiện trách nhiệm bảo hành, Chủ đầu tư sẽ chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định. Đồng thời bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp là Nhà thầu liên danh:

+ Trường hợp một trong số các thành viên liên danh chậm trễ hoặc không tiến hành khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư được quyền sử dụng tiền bảo hành công trình được giữ lại của thành viên liên danh đó để yêu cầu thành viên liên danh khác hoặc thuê đơn vị khác thực hiện;

+ Trường hợp tất cả các thành viên liên danh chậm trễ hoặc không tiến hành khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư được quyền sử dụng tiền bảo hành công trình được giữ lại của cả liên danh để thuê đơn vị khác thực hiện; sau khi xác nhận hết thời gian bảo hành công trình, Chủ đầu tư hoàn trả giá trị bảo hành công trình còn lại cho từng thành viên liên danh tương ứng tỷ lệ giá trị thực hiện gói thầu của từng thành viên.

+ Trường hợp khối lượng hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa bảo hành vượt quá

⁹ Phần giá trị hợp đồng bị vi phạm là giá trị khối lượng Hợp đồng được thực hiện ngoài thời gian thực hiện Hợp đồng

giá trị kinh phí được giữ lại thì từng thành viên liên danh của Nhà thầu phải tự bỏ kinh phí để khắc phục, sửa chữa hoặc thuê đơn vị khác thực hiện theo phạm vi trách nhiệm của mình. Trường hợp một thành viên liên danh của Nhà thầu từ chối thực hiện trách nhiệm bảo hành, thành viên liên danh còn lại của Nhà thầu có trách nhiệm sửa chữa bảo hành phạm vi trách nhiệm của thành viên vi phạm hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu liên danh hoặc một thành viên liên danh từ chối thực hiện trách nhiệm bảo hành bị coi là vi phạm không hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ chấm dứt thực hiện Hợp đồng theo quy định. Đồng thời bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

21.6. Quy định về bổ sung Nhà thầu phụ tham gia thực hiện gói thầu hoặc chấm dứt hợp đồng, điều chuyển khối lượng cho Nhà thầu khác thực hiện:

a) Bổ sung Nhà thầu phụ tham gia thực hiện gói thầu:

Khi nhà thầu vi phạm về tiến độ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 21.3 của Điều này, Chủ đầu tư toàn quyền quyết định chỉ định Nhà thầu phụ hoặc chấp thuận Nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất để tham gia thực hiện gói thầu theo quy định. Trong trường hợp này:

+ Chủ đầu tư được quyền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ đối với các khối lượng công việc điều chuyển;

+ Nhà thầu phải tiến hành các thủ tục để điều chuyển khối lượng, bổ sung thầu phụ theo quy định và phải đề nghị Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ;

+ Trường hợp Nhà thầu không thực hiện các nội dung nêu trên thì Nhà thầu sẽ được coi là vi phạm Hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ tiến hành xử lý vi phạm Hợp đồng theo quy định. Đồng thời bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

b) Xử lý chấm dứt hợp đồng, điều chuyển khối lượng cho Nhà thầu khác thực hiện bởi Chủ đầu tư:

Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng, bị Chủ đầu tư xử lý chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 21.1, khoản 21.2, khoản 21.3 và khoản 21.4 của Điều này thì Nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành Hợp đồng; Chủ đầu tư sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 23 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư sẽ ban hành Quyết định chấm dứt Hợp đồng; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư đăng tải thông tin Nhà thầu vi phạm Hợp đồng trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia nêu rõ lý do Nhà thầu vi phạm Hợp đồng dẫn đến phải chấm dứt Hợp đồng; gửi Quyết định chấm dứt hợp đồng và các tài liệu xử lý vi phạm khác (nếu có) đến Bộ Tài Chính để tổng hợp, theo dõi. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bị coi là không hoàn thành hợp đồng.

- Đối với phần công việc chưa thực hiện, Chủ đầu tư được áp dụng hình thức chỉ định thầu cho Nhà thầu khác đáp ứng năng lực, kinh nghiệm để thực hiện với giá trị được tính bằng giá trị Hợp đồng trừ đi giá trị phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu trước đó.

- Trường hợp không áp dụng hình thức chỉ định thầu thì hình thành gói thầu mới để tổ chức lựa chọn nhà thầu; trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư xem xét lại giá gói thầu đối với phần công việc còn lại trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Pháp luật.

- Chủ đầu tư đăng tải hình thức lựa chọn nhà thầu thay thế, kết quả lựa chọn nhà thầu thay thế trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia

c) Xử lý chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu:

Trong trường hợp Nhà thầu tự ý chấm dứt Hợp đồng không có lý do chính đáng, Chủ đầu tư sẽ xử lý vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 18.

21.7. Bồi thường thiệt hại do vi phạm:

Bằng kinh phí của mình, nhà thầu phải hoàn thành khắc phục các sai sót do vi phạm về chất lượng trong khoảng thời gian phù hợp theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Ngoài ra, nếu nhà thầu vi phạm hợp đồng gây ra các tổn thất, thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) thì nhà thầu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Điều 22. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

22.1. Khiếu nại: Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.

22.2. Xử lý các tranh chấp:

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp Hợp đồng, các bên phải cùng nhau xem xét, bàn bạc, thương lượng để thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lợi ích của các bên.

- Khi xảy ra tranh chấp không thể hoà giải được, hai bên phải lập biên bản ghi nhận nội dung và thời gian nảy sinh tranh chấp và đề nghị cơ quan giải quyết tranh chấp xem xét. Thời hạn chuẩn bị bằng chứng là 30 ngày theo lịch kể từ khi lập biên bản ghi nhận tranh chấp, nếu hết thời hạn chuẩn bị trên mà không bên nào đưa ra

được các bằng chứng tranh chấp cho các cơ quan giải quyết tranh chấp thì tranh chấp bị huỷ bỏ và không được giải quyết tiếp nữa. Hợp đồng trả lại trạng thái như trước khi xảy ra tranh chấp.

- Trường hợp hai bên không hoà giải hoặc hoà giải không thành thì các bên có quyền khởi kiện ra Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của toà án có hiệu lực thi hành

22.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

23.1- Quyết toán hợp đồng: Trong vòng **30 ngày** kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng, nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có);
- Bảng tính giá trị quyết toán;
- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;

Nhà thầu triển khai quyết toán chậm so với quy định hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị xử phạt chậm tiến độ quyết toán theo mức phạt chậm tiến độ tại

khoản 21.5 Điều 21.

23.2. Thanh lý Hợp đồng: Hợp đồng này được tự thanh lý sau khi có Biên bản nghiệm thu hết thời hạn bảo hành công trình và thanh quyết toán hết kinh phí giữa Chủ đầu tư với Nhà thầu hoặc hợp đồng chấm dứt theo quy định Điều 18 của Hợp đồng.

23.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Điều 24. Hiệu lực của hợp đồng

24.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này.

24.2. Hợp đồng thi công xây dựng có hiệu lực kể từ ngày ký.

24.3. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật

có liên quan.

Điều 25. Điều khoản chung

25.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này;

25.2. Hợp đồng Gói thầu: Thi công sửa chữa công trình thuộc dự án:lập thành 13 bản, Chủ đầu tư giữ 06 bản, Nhà thầu giữ 06 bản, gửi Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII 01 bản, các bản hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Hai bên thống nhất cùng ký tên:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU